TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **754**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-11-2019
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân :

1/ Bà Tiêu Kim Thuận.

2/ Ông Trần Phú Nhuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận 10, số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 658/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2019, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2019, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: 601/36/25 Cách Mạng tháng Tám, Phường A, Quận B, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Lương Thế V, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: 601/36/25 Cách Mạng tháng Tám, Phường A, Quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2019, trong quá trình tố tụng cũng như tại bản tự khai nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Minh C trình bày:

Bà C và ông V tự nguyện chung sống từ năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12 theo giấy chứng nhận kết hôn số 199 ngày 03/8/2006.

Quá trình chung sống với ông V, do ông V thường xuyên cờ bạc, nợ nần chồng chất. Bà C phải trả nợ rất nhiều lần số nợ mà ông V gây ra do cờ bạc. Ngoài ra, mỗi lần đi nhậu với bạn bè và về nhà trong tình trạng say xỉn, ông V thường xuyên chửi mắng vợ con vô cớ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lương Ngọc V sinh ngày 04/02/2009 và Lương Gia B sinh ngày 26/9/2014. Khi ly hôn Bà C xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C khai không có và không yêu cầu toà án giải quyết.

Bị đơn Ông Lương Thế V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt từ ông Lương Thế V) nên tòa tiến hành xét xử vắng mặt dựa theo bảng tự khai của ông V.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số hôn số 199, ngày 03/08/2006 của Ủy ban nhân dân Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12 ,có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông Lương Thế V và Bà Nguyễn Thị Minh C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay Bà C yêu cầu ly hôn là tranh chấp "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Ông V hiện đang cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn Ông Lương Thế V đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Xét đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn ông Lương Thế V và nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh C là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự tham gia tố tụng

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng, có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa căn cứ vào chứng cứ và lời khai của nguyên đơn và bị đơn để giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được, Bà C trình bày, vợ chồng sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do Ông V cờ bạc, vay mượn nợ nần chồng chất, Bà C phải trả nợ rất nhiều lần số nợ mà ông V gây ra do cờ bạc. Ngoài ra, mỗi lần đi nhậu với bạn bè và về nhà trong tình trạng say xỉn, ông V thường xuyên chửi mắng vợ con vô cớ. Trong quá trình giải quyết vụ án Ông V không tham gia hòa giải, căn cứ bản tự khai của ông V cho thấy bản thân Ông V cũng không mong muốn việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nay Bà C xin ly hôn Ông V là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lương Ngọc V sinh ngày 04/02/2009 và Lương Gia B sinh ngày 26/9/2014. Xét yêu cầu của Bà C xin được nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Luật Hôn nhân gia đình quy định: Hiện trẻ Vỹ và trẻ Bảo chưa thành niên và đang được Bà C chăm sóc, giáo dục. Do đó, việc giao trẻ Vỹ và Bảo cho Bà C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quyền lợi và quy định pháp luật nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con Bà C không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung: Bà C khai không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà C phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 5, khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn :

Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Minh C được ly hôn Ông Lương Thế V.

Về con chung: Giao 02 trẻ Lương Ngọc V sinh ngày 04/02/2009 và Lương Gia B sinh ngày 26/9/2014 cho Bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng viêc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về tài sản chung: Bà C khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà C chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0017933 ngày 18/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ đối với Bà C và ông V.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Hội thẩm nhân dân
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND P. Đông Hưng Thuận Q12;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Nhàn